

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 22/9/2017

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Sơn

Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1976 (Có mặt)

Trú quán: M S – K T – L Ng – Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Trú quán: M S – K T – L Ng – Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/5/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 03/3/1993. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng anh và chị H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn M S – K T - L Ng - Bắc Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống với nhau do kinh tế còn khó khăn nên hai vợ

chồng anh chị đó bàn bạc để chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2014 khi về nước thì chị Nguyễn Thị H lại về nhà mẹ đẻ chung sống, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, anh không thể chung sống với chị H được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1997. Hiện các cháu đó trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, ruộng canh tác, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho chị Nguyễn Thị H, mẹ đẻ chị H là bà Nguyễn Thị Nh nhận thay và cam kết giao lại cho chị H về việc thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Trong biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2017 và lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị Nh (Mẹ đẻ của chị H) xác định lời trình bày của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn và con chung là đúng, bà cho biết bà đã thông báo cho chị H biết việc thụ lý vụ án, cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án, nhưng chị H không đến Tòa án làm việc, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì anh và chị H không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị H đã trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1997. Hiện các cháu đó trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, ruộng canh tác, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T tự nguyện xin chịu chịu toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt, Tòa án đã công bố các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 BLTTDS;

Xử: Không công nhận anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Thành đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000920 ngày 01/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 03/3//1993. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống cho đến nay chị H và anh T cũng không đi đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nay cuộc sống giữa chị H anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, anh T có đơn xin ly hôn với chị H nên cần áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình xử: Không công nhận anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1997. Hiện các cháu đó trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Xuân T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Không công nhận anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Thành đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000920 ngày 01/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã K T;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Thế